

Số: 1521 /LĐTBXH-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch phát triển
ngành LĐ-TBXH 5 năm 2021-2025

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Bộ yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 đối với lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành theo các nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020

Trên cơ sở kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động - người có công và xã hội 2016 - 2019, ước thực hiện kế hoạch năm 2020, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tổ chức đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan, đúng thực tiễn và đầy đủ kết quả đạt được; trong đó đánh giá, phân tích những chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch; những chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch; các giải pháp, cơ chế, chính sách đã ban hành để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; những cơ chế, chính sách cần điều chỉnh, bổ sung... Làm rõ những tồn tại, hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; phân tích, làm rõ các nguyên nhân quan và chủ quan dẫn tới không đạt chỉ tiêu kế hoạch; bài học kinh nghiệm rút ra trong thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của ngành tại địa phương.

Việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động - người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020 cần phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Quyết định số 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 29/7/2016 về ban hành chương trình hành động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020, các Quyết định ban hành chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội hàng năm và các văn bản chỉ đạo khác của địa phương.

2. Xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025

Xác định mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 5 năm 2021 - 2025 về lao động, người có công và xã hội của từng địa phương căn cứ vào Văn kiện đại hội đảng bộ tại địa phương của Tỉnh ủy/Thành ủy và các Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh/thành phố, các quy hoạch phát triển ngành và lĩnh vực liên quan.

Yêu cầu xây dựng kế hoạch 5 năm đảm bảo phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng địa phương, gắn với khả năng cân đối nguồn lực và tổ chức thực hiện của các cấp cơ sở để đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; đồng thời nâng cao khả năng xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội của mỗi địa phương.

Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị của địa phương; đồng thời đảm bảo tiến độ, thời gian quy định.

II. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

1. Căn cứ mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 (tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025).

2. Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch về lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2021 - 2025

(1). Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về lao động, người có công và xã hội phù hợp với Hiến pháp năm 2013; tập trung vào cải cách chính sách tiền lương, chính sách bảo hiểm nhằm nâng cao thu nhập, tăng nhanh tỷ lệ dân số được tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội bền vững.

(2). Phát triển đồng bộ thị trường lao động: Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án được ban hành nhằm tạo nhiều việc làm mới và giải quyết việc làm cho người lao động; tăng cường vai trò của nhà nước trong việc giám sát và điều tiết quan hệ cung - cầu trên thị trường. Thực hiện cơ cấu lại lực lượng lao động (về quy mô, chất lượng, ngành nghề...) đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu các lĩnh vực kinh tế của các ngành, vùng, địa phương. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm giới thiệu việc làm; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực hoạt động sàn giao dịch việc làm, góp phần tích cực kết nối cung - cầu lao động.

Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, nhất là các thị trường có thu nhập cao, an toàn cho người lao động; đổi mới công tác tuyển chọn, đào tạo,

huấn luyện người lao động trước khi đưa đi làm việc ở nước ngoài. Theo dõi chặt chẽ tình hình lao động làm việc ở nước ngoài; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người lao động khi làm việc ở nước ngoài đi đôi với việc theo dõi, hỗ trợ và phát huy lực lượng lao động này khi về nước.

(3). Thực hiện pháp luật lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, thực hiện đề án cải cách tiền lương trong doanh nghiệp; đổi mới cơ chế quản lý tiền lương đối với khu vực doanh nghiệp theo hướng gắn với năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản trị doanh nghiệp và phù hợp với quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, điều kiện lao động, an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường kiểm tra, nắm bắt và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lẩn công của người lao động, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

(4). Tổ chức thực hiện tốt phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động. Đa dạng hoá các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp về quy mô, cơ cấu cấp trình độ, ngành nghề giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành, vùng, tiểu vùng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động.

(5). Tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người có công, chú trọng giải quyết những trường hợp còn tồn đọng. Nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với người có công và thân nhân về phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập và xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Đầu tư, nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng theo quy hoạch đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng người có công. Huy động nguồn lực cùng với ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ bảo đảm ổn định, lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng thế hệ con em người có công tiếp tục phát huy truyền thống, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

(6). Thực hiện các chương trình, dự án về giảm nghèo. Tăng nguồn lực đầu tư và cân đối nguồn lực trung hạn của nhà nước cho các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; lựa chọn chính sách để ưu tiên phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực; bảo đảm lòng ghép chính sách và nguồn lực có hiệu quả. Kết hợp chặt chẽ giữa chính sách giảm nghèo với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh. Thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đổi tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

(7). Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng yếu thế; rà soát để loại bỏ những chính sách không còn phù hợp hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn để hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội; cải thiện, nâng cao mức sống cho đối tượng xã hội, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn vươn lên hòa nhập cộng đồng. Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, nhân đạo phi Chính phủ; tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người thiệt thòi trong xã hội; phát triển và sử dụng có hiệu quả các quỹ từ thiện, nhân đạo.

(8). Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền trẻ em; thúc đẩy mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo sự chuyển biến tích cực về cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, đồng thời mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ và phúc lợi xã hội dành cho trẻ em; lòng ghép, đưa các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành, cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Ưu tiên hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em...; đảm bảo cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em có nguy cơ cao bị hạn chế phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận các dịch vụ này thuận lợi, hiệu quả.

(9). Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ: Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành các chính sách, pháp luật đối với phụ nữ và bình đẳng giới; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách có liên quan đến công tác cán bộ nữ và công tác phụ nữ nhằm đảm bảo lợi ích chính đáng của phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đổi mới cách tiếp cận vì sự tiến bộ của phụ nữ cho phù hợp với nền kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Tăng cường thực hiện quy định lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình công tác của Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người về bình đẳng giới, pháp luật về các quyền của phụ nữ để họ tự bảo vệ mình.

(10). Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm; từng bước xây dựng hình thành mạng lưới các cơ sở điều trị nghiện có đủ năng lực triển khai điều trị cai nghiện ma túy đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị nghiện cho người nghiện ma túy ở các địa phương; tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng chống tái nghiện. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các mô hình, các hình thức cai nghiện phục hồi gắn với dạy nghề, tạo việc làm, giảm tái nghiện và hòa nhập cộng đồng sau cai. Phòng ngừa nguy cơ phát sinh mới tệ nạn mại dâm; phòng, chống mua bán người vì mục đích mại dâm, bóc lột tình dục, gòp phần giữ truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng “Xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội”; chuyển hóa những xã, phường trọng điểm về tệ nạn ma túy, mại dâm; thực hiện đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên tránh xa ma túy, mại dâm; xây dựng lực lượng tình nguyện viên ở các xã, phường.

III. Tiến độ thực hiện

Cùng với thuyết minh đánh giá kết quả thực hiện 4 năm 2016 - 2019, ước thực hiện năm 2020, Bộ yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/thành phố tổng hợp đầy đủ số liệu vào các biểu mẫu theo phụ lục kèm theo công văn này.

Để đảm bảo yêu cầu tiến độ theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 đúng nội dung, yêu cầu và gửi về Bộ trước ngày 15/5/2020 (*đồng thời gửi thư điện tử theo địa chỉ e-mail: phongkh@molisa.gov.vn*).

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.38.269.544/39.364.160) để được hướng dẫn thêm./. *M*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Văn Thanh

(Các địa phương lấy file các Mẫu biểu báo cáo theo yêu cầu tại công văn này trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ: www.molisa.gov.vn).

